### **3.3.1 Đặc tả use case Quản lý đăng nhập**

| Tên Use Case: | | Đăng nhập |
| --- | --- | --- |
| Tác nhân: | | Thành viên, Quản lý |
| Tóm tắt: | | Use case này cho phép Khách hàng/Quản lý đăng nhập vào tài khoản của mình để sử dụng chức năng của mình. |
| Điều kiện tiên quyết: | | Đã có tài khoản trong hệ thống. |
| Dòng sự kiện: | Dòng sự kiện chính: | 1. Use case này bắt đầu khi người dùng muốn đăng nhập và hệ thống.  2. Hệ thống yêu cầu người dùng nhập tên đăng nhập và mật khẩu.  3. Người dùng nhập tên đăng nhập và mật khẩu.  4. Hệ thống sẽ kiểm tra tên đăng nhập và mật khẩu của người dùng và cho phép người dùng đăng nhập vào hệ thống. |
| Dòng sự kiện phụ: | + Nếu trong dòng sự kiện chính người dùng nhập sai tên đăng nhập hoặc mật khẩu giao diện sẽ trở lại giao diện đăng nhập và thông báo lỗi.  + Nếu người dùng quên mật khẩu thì yêu cầu lấy lại mật khẩu. Hiển thị trang lấy lại mật khẩu, yêu cầu người dùng nhập email đã đăng ký. Sau đó người dùng đăng nhập email để lấy mật khẩu mới.  + Việc đăng nhập use case lúc này sẽ kết thúc. |
| Tiền điều kiện: | | Người dùng phải chọn chức năng đăng nhập trên website và use case bắt đầu. |
| Hậu điều kiện: | | Nếu use case thực hiện thành công quá trình đăng nhập thì sẽ có các quyền sử dụng hệ thống tương ứng. Ngược lại trạng thái hoạt động của hệ thống không đổi. |

*Bảng 3.1: Đặc tả usecase đăng nhập*

### **3.3.2 Đặc tả use case Giỏ hàng**

| Tên use case: | | Giỏ hàng |
| --- | --- | --- |
| Tác nhân: | | Khách hàng |
| Tóm tắt: | | Use case này cho phép thành viên quản lí giỏ hàng của mình, thực hiện các chức năng: Đặt hàng, xem giỏ hàng, thêm sản phẩm vào giỏ, thay đổi số lượng, hủy bỏ sản phẩm đã thêm vào giỏ hàng. |
| Điều kiện tiên quyết: | | Đã đăng nhập là thành viên |
| Dòng sự kiện: | Dòng sự kiện chính | 1. Use case bắt đầu khi thành viên bắt đầu đặt hàng, xem giỏ hàng, thêm sản phẩm vào giỏ hàng, thay đổi số lượng sản phẩm cần mua và hủy bỏ sản phẩm đã thêm vào giỏ hàng.  2. Hệ thống hiển thị giỏ hàng trong hệ thống.  3. Hệ thống yêu cầu người dùng chọn chức năng muốn thực hiện.  4. Sau khi thành viên chọn chức năng, một trong các luồng phụ tương ứng sau sẽ được thực hiện:  4.1 Nếu thành viên muốn thêm sản phẩm vào giỏ hàng: Luồng phụ thêm được thực hiện.  4.2 Nếu thành viên muốn thay đổi số lượng của các sản phẩm trong giỏ hàng: Luồng phụ sửa được thực hiện.  4.3 Nếu thành viên muốn xóa sản phẩm ra khỏi giỏ hàng: Luồng phụ xóa được thực hiện.  **Luồng phụ thêm**: Người dùng chọn sản phẩm muốn thêm vào giỏ hàng, sau đó hệ thống sẽ cập nhật lại giỏ hàng.  \* Nếu thành công : hệ thống sẽ lưu và thông báo ra  màn hình.  \* Nếu thất bại : thông báo ra màn hình lý do thất bại  và trở lại màn hình.  **Luồng phụ sửa**: Hệ thống hiển thị trang giỏ hàng, người dùng chọn sản phẩm muốn thay đổi số lượng trong giỏ hàng, sau đó hệ thống sẽ cập nhật lại giỏ hàng.  \* Nếu thành công : hệ thống sẽ lưu và thông báo ra  màn hình.  \* Nếu thất bại : thông báo ra màn hình lý do thất bại  và trở lại màn hình.  **Luồng phụ xóa**: Hệ thống hiển thị trang giỏ hàng, người dùng chọn sản phẩm muốn xóa khỏi giỏ hàng, sau đó hệ thống sẽ cập nhật lại giỏ hàng.  \* Nếu thành công : hệ thống sẽ lưu và thông báo ra màn hình.  \* Nếu thất bại : thông báo ra màn hình lý do thất bại và trở lại màn hình. |
| Dòng sự kiện phụ | Không có |
| Tiền điều kiện: | | Người dùng phải đăng nhập vào hệ thống rồi mới thực hiện được chức năng tương ứng của giỏ hàng. |
| Hậu điều kiện: | | Nếu use case thành công thì thực hiện được chức năng tương ứng và được cập nhật vào cơ sở dữ liệu. Nếu thất bại trang giỏ hàng không có gì thay đổi. |

*Bảng 3.2: Đặc tả usecase giỏ hàng*

### **3.3.3 Đặc tả use case Quản lý sản phẩm**

| Tên Use case: | | Quản lý sản phẩm |
| --- | --- | --- |
| Tác nhân: | | Quản lý |
| Tóm tắt: | | Use case này cho người quản trị quản lý thông tin các sản phẩm trong cơ sở dữ liệu của hệ thống. Bao gồm các thao tác: thêm mới, thay đổi thông tin sản phẩm, xóa sản phẩm ra khỏi hệ thống. |
| Điều kiện tiên quyết: | | Đã đăng nhập là quản lý |
| Dòng sự kiện: | Dòng sự kiện chính: | 1. Usecase bắt đầu khi người quản lý bắt đầu thêm mới, thay đổi thông tin sản phẩm, xóa sản phẩm ra khỏi hệ thống.  2. Hệ thống hiển thị danh sách các sản phẩm trong hệ thống và yêu cầu người quản lý chọn chức năng muốn thực hiện. Sau khi chọn chức năng, một trong các luồng phụ tương ứng sau được thực hiện.  2.1 Nếu người quản lý muốn thêm: luồng phụ thêm được thực hiện.  2.2 Nếu người quản lý muốn sửa: luồng phụ sửa được thực hiện.  2.3 Nếu người quản lý muốn xóa: luồng phụ xóa được thực hiện.  **Luồng phụ thêm**: Hệ thống yêu cầu nhập đầy đủ các thông tin của sản phẩm cần thêm, sau đó chọn chức năng thêm.  \* Nếu thành công: thông tin sẽ được nhập vào hệ thống và thông báo ra màn hình.  \* Nếu thất bại: thông báo ra màn hình lý do thất bại và trở lại màn hình.  **Luồng phụ sửa**: Chọn sản phẩm cần sửa và hệ thống hiển thị đầy đủ các thông tin cần thiết để tiến hành việc sửa, sau khi lựa chọn một số thay đổi thì sẽ chọn chức năng sửa để tiến hành thực hiện.  \* Nếu thành công: hệ thống sẽ lưu và thông báo ra màn hình.  \* Nếu thất bại: thông báo ra màn hình lý do thất bại và trở lại màn hình.  **Luồng phụ xóa**: Chọn sản phẩm cần xóa, hệ thống thông báo cho người dùng xác nhận:  \* Nếu chọn “yes”: xóa khỏi cơ sở dữ liệu.  \* Nếu chọn “ no “: trở lại màn hình. |
| Dòng sự kiện phụ: | Không có |
| Tiền điều kiện: | | Người quản lý phải đăng nhập vào hệ thống rồi mới thực hiện được chức năng quản lý sản phẩm |
| Hậu điều kiện: | | Nếu use case thành công thì có thể quản lý sản phẩm theo nhu cầu cần thiết. Ngược lại trạng thái hệ thống không có gì thay đổi. |

*Bảng 3.3: Đặc tả usecase sản phẩm*

### **3.3.4 Đặc tả use case Quản lý nhà cung cấp**

| Tên Usecase: | | Quản lý nhà cung cấp |
| --- | --- | --- |
| Tác nhân: | | Quản lý |
| Tóm tắt: | | Use case này cho phép người quản lý có thể quản lý thông tin các nhà cung cấp, thực hiện các chức năng: xem danh sách nhà cung cấp, thêm nhà cung cấp, sửa nhà cung cấp, xóa nhà cung cấp. |
| Điều kiện tiên quyết: | | Đã đăng nhập là Quản lý. |
| Dòng sự kiện: | Dòng sự kiện chính | 1. Usecase bắt đầu khi người quản lý chọn xem hay thêm mới, thay đổi thông tin nhà cung cấp, xóa nhà cung cấp ra khỏi hệ thống.  2. Hệ thống hiển thị danh sách các nhà cung cấp trong hệ thống và yêu cầu người quản lý chọn chức năng muốn thực hiện. Sau khi chọn chức năng, một trong các luồng phụ tương cấp sau được thực hiện.  2.1 Nếu người quản lý muốn thêm: luồng phụ thêm được thực hiện.  2.2 Nếu người quản lý muốn sửa: luồng phụ sửa được thực hiện.  2.3 Nếu người quản lý muốn xóa: luồng phụ xóa  được thực hiện.  **Luồng phụ thêm:** Hệ thống yêu cầu nhập đầy đủ các thông tin của nhà cung cấp cần thêm, sau đó chọn chức năng thêm.  \* Nếu thành công : thông tin sẽ được nhập vào hệ thống và thông báo ra màn hình.  \* Nếu thất bại : thông báo ra màn hình lý do thất bại và trở lại màn hình.  **Luồng phụ sửa:** Chọn nhà cung cấp cần sửa và hệ thống hiển thị đầy đủ các thông tin cần thiết để tiến hành việc sửa, sau khi lựa chọn một số thay đổi thì sẽ chọn chức năng sửa để tiến hành thực hiện.  \* Nếu thành công : hệ thống sẽ lưu và thông báo ra màn hình.  \* Nếu thất bại : thông báo ra màn hình lý do thất bại và trở lại màn hình.  **Luồng phụ xóa :** Chọn nhà cung cấp cần xóa, hệ thống thông báo cho người dùng xác nhận :  \* Nếu chọn “ yes ” : xóa khỏi cơ sở dữ liệu.  \* Nếu chọn “ no “ : trở lại màn hình. |
| Dòng sự kiện phụ: | Không có |
| Tiền điều kiện: | | Người dùng phải đăng nhập vào hệ thống với quyền Quản lý rồi mới thực hiện được các chức năng tương cấp trong quản lý nhà cung cấp. |
| Hậu điều kiện: | | Nếu use case thành công thì thực hiện được chức năng tương ứng và được cập nhật vào cơ sở dữ liệu. Nếu thất bại thông tin nhà cung cấp không có gì thay đổi. |

*Bảng 3.4: Đặc tả usecase quản lý nhà cung cấp*

### **3.3.5 Đặc tả use case Quản lý danh mục sản phẩm**

| Tên Usecase: | | Quản lý danh mục sản phẩm |
| --- | --- | --- |
| Tác nhân: | | Quản lý |
| Tóm tắt: | | Use-case này cho người quản trị quản lý thông tin các danh mục sản phẩm trong cơ sở dữ liệu của hệ thống. Bao gồm: xem danh mục sản phẩm, thêm loại sản phẩm, chỉnh sửa loại sản phẩm, xóa loại sản phẩm. |
| Điều kiện tiên quyết: | | Đã đăng nhập là Quản lý |
| Dòng sự kiện: | Dòng sự kiện chính: | 1. Usecase bắt đầu khi người quản lý muốn xem, thêm mới, chỉnh sửa danh mục sản phẩm, xóa loại sản phẩm ra khỏi hệ thống.  2. Hệ thống hiển thị danh mục sản phẩm trong hệ thống và yêu cầu người quản lý chọn chức năng muốn thực hiện. Sau khi chọn chức năng, một trong các luồng phụ tương ứng sau được thực hiện:  2.1 Nếu người quản lý muốn thêm: luồng phụ được thực hiện.  2.2 Nếu người quản lý muốn chỉnh sửa: luồng phụ chỉnh sửa được thực hiện.  2.3 Nếu người quản lý muốn xóa: luồng phụ xóa  được thực hiện.  **Luồng phụ thêm:** Hệ thống yêu cầu nhập đầy đủ các thông tin của sản phẩm mới, sau đó chọn chức năng thêm.  \* Nếu thành công: thông tin sẽ lưu vào cơ sở dữ liệu và thông báo ra màn hình.  \* Nếu thất bại: thông báo ra màn hình lý do thất bại và trở lại màn hình thêm loại sản phẩm.  **Luồng phụ chỉnh sửa:** Chọn loại sản phẩm cần chỉnh sửa và hệ thống hiển thị đầy đủ các thông tin cần thiết để tiến hành việc chỉnh sửa. Sau khi thay đổi thì sẽ chọn chức năng chỉnh sửa.  \* Nếu thành công: hệ thống sẽ lưu và thông báo ra màn hình.  \* Nếu thất bại: thông báo ra màn hình lý do thất bại và trở lại màn hình.  **Luồng phụ xóa:** Chọn loại sản phẩm cần xóa và chọn chức năng xóa. Hệ thống thông báo cho người dùng xác nhận xóa:  \* Nếu chọn “ yes ”: xóa loại sản phẩm ra khỏi cơ sở dữ liệu.  \* Nếu chọn “ no “: trở lại màn hình xóa loại sản phẩm |
| Dòng sự kiện phụ: | Không có |
| Tiền điều kiện: | | Người dùng phải đăng nhập vào hệ thống với quyền Quản lý rồi mới thực hiện được các chức năng tương ứng trong quản lý danh mục sản phẩm. |
| Hậu điều kiện: | | Nếu use case thành công thì thực hiện được chức năng tương ứng và được cập nhật vào cơ sở dữ liệu. Nếu thất bại thông tin danh mục sản phẩm không có gì thay đổi. |

*Bảng 3.5: Đặc tả usecase Quản lý danh mục sản phẩm*

### **3.3.6 Đặc tả quản lý tài khoản**

| Tên use case: | | Quản lý tài khoản |
| --- | --- | --- |
| Tác nhân: | | Quản lý |
| Tóm tắt: | | Use case này cho người quản trị quản lý thông tin các tài khoản trong cơ sở dữ liệu của hệ thống. Bao gồm các thao tác: xem thông tin tài khoản, khóa tài khoản, reset mật khẩu. |
| Điều kiện tiên quyết: | | Đã đăng nhập là quản lý |
| Dòng sự kiện: | Dòng sự kiện chính | 1. Usecase bắt đầu khi người quản lý muốn xem, khóa tài khoản, reset mật khẩu.  2. Hệ thống hiển thị danh sách các tài khoản trong hệ thống và yêu cầu người quản lý chọn chức năng muốn thực hiện. Sau khi chọn chức năng, một trong các luồng phụ tương ứng sau được thực hiện.  2.1 Nếu người quản lý muốn xem thông tin tài khoản: luồng phụ xem được thực hiện.  2.2 Nếu người quản lý muốn khóa tài khoản: luồng phụ khóa được thực hiện.  2.3 Nếu người quản lý muốn reset mật khẩu: luồng phụ reset được thực hiện.  **Luồng phụ khóa:** Hệ thống yêu cầu nhập đầy đủ các  thông tin cần của tài khoản muốn khóa, sau đó chọn chức năng khóa.  \* Nếu thành công : thông tin tài khoản bị khóa và lưu vào cơ sở dữ liệu, và xuất ra thông báo màn hình.  \* Nếu thất bại : thông báo ra màn hình lý do thất bại  và trở lại màn hình.  **Luồng phụ reset:** Chọn tài khoản cần reset mật khẩu  \* Nếu chọn “ yes ”: reset mật khẩu trong cơ sở dữ liệu.  \* Nếu chọn “ no “: trở lại màn hình. |
| Dòng sự kiện phụ | Không có |
| Tiền điều kiện: | | Người dùng phải đăng nhập vào hệ thống với quyền Quản lý rồi mới thực hiện được các chức năng tương ứng trong quản lý tài khoản. |
| Hậu điều kiện: | | Nếu use case thành công thì thực hiện được chức năng tương ứng và được cập nhật vào cơ sở dữ liệu. Nếu thất bại thông tin tài khoản không có gì thay đổi. |

*Bảng 3.6: Đặc tả usecase Quản lý tài khoản*

### **3.3.7 Đặc tả use case Quản lý đơn hàng**

| Tên use case: | | Quản lý đơn hàng |
| --- | --- | --- |
| Tác nhân: | | Quản lý |
| Tóm tắt: | | Use case này cho người quản trị quản lý thông tin các đơn hàng trong cơ sở dữ liệu của hệ thống. Bao gồm các thao tác: cập nhật trạng thái đơn hàng, xem đơn hàng, huỷ đơn hàng, phân công giao hàng, tìm kiếm đơn hàng. |
| Điều kiện tiên quyết: | | Đã đăng nhập là Quản lý |
| Dòng sự kiện: | Dòng sự kiện chính | 1. Usecase bắt đầu khi người quản lý bắt đầu hiệu  chỉnh thông tin, cập nhật trạng thái đơn hàng, kiểm tra đơn hàng, phân công giao hàng, hủy đơn hàng ra khỏi hệ thống và tìm kiếm đơn hàng.  2. Hệ thống hiển thị danh sách các đơn hàng trong hệ  thống và yêu cầu người quản lý chọn chức năng  muốn thực hiện. Sau khi chọn chức năng, một trong  các luồng phụ tương ứng sau được thực hiện.  2.1 Nếu người quản lý muốn cập nhật: luồng phụ cập nhật được thực hiện.  2.2 Nếu người quản lý muốn kiểm tra: luồng phụ kiểm tra được thực hiện.  2.3 Nếu người quản lý muốn hủy: luồng phụ hủy được thực hiện.  2.3 Nếu người quản lý muốn phân công giao hàng: luồng phụ phân công được thực hiện.  **Luồng phụ cập nhật:** Người quản lý chọn cập nhật,  hệ thống sẽ cập nhật trạng thái các đơn hàng và hiển  thị đầy đủ các thông tin mới nhất về đơn hàng.  **Luồng phụ kiểm tra:** Hệ thống hiển thị đầy đủ các  thông tin cần thiết để tiến hành việc kiểm tra đơn hàng đã được giao xong chưa.  **Luồng phụ hủy**: Người quản lý chọn một đơn hàng cần hủy. Sau đó thực hiện chức năng hủy, hệ thống sẽ hiện thông báo xác nhận hủy và người quản lý chọn chức năng hủy. Cuối cùng thông tin đơn hàng sẽ được hủy khỏi hệ thống.  **Luồng phụ phân công:** Người quản lý chọn một đơn hàng để tiến hàng phân công, sau đó chọn đối tác giao hàng, hệ thống sẽ hiện thông báo để quản ký xác nhận. |
| Dòng sự kiện phụ | Không có |
| Tiền điều kiện: | | Người quản lý phải đăng nhập vào hệ thống rồi mới thực hiện được chức năng quản lý đơn hàng. |
| Hậu điều kiện: | | Nếu use case thành công thì có thể quản lý đơn hàng theo ý muốn. Ngược lại trạng thái hệ thống không có gì thay đổi. |

*Bảng 3.7: Đặc tả usecase Quản lý đơn hàng*

### **3.3.8 Đặc tả use case Quản lý góp ý**

| Tên use case: | | Quản lý góp ý |
| --- | --- | --- |
| Tác nhân: | | Quản lý |
| Tóm tắt: | | Use case này cho phép người quản trị quản lý nội dung các góp ý của người dùng trong cơ sở dữ liệu của hệ thống. Bao gồm các thao tác: phản hồi nội dung góp ý, gửi cảnh báo đến email và chặn thành viên. |
| Điều kiện tiên quyết: | | Đã đăng nhập là quản lý |
| Dòng sự kiện: | Dòng sự kiện chính | 1. Use case bắt đầu khi người quản lý bắt đầu xem góp ý, phản hồi nội dung góp ý và chặn thành viên.  2. Hệ thống hiển thị danh sách các góp ý trong hệ  thống và yêu cầu người quản lý chọn chức năng muốn thực hiện. Sau khi chọn chức năng, một trong các luồng phụ tương ứng sau được thực hiện:  2.1 Nếu người quản lý muốn phản hồi: luồng phụ phản  hồi được thực hiện.  2.2 Nếu người quản lý muốn chặn thành viên: luồng  phụ chặn được thực hiện.  **Luồng phụ phản hồi:** Hệ thống hiển thị đầy đủ các  thông tin về nội dung góp ý, người quản lý có thể nhập nội dung và chọn phản hồi. Nội dung phản hồi sẽ được tự động gởi tới email người góp ý.  **Luồng phụ chặn:** Nếu người góp ý nhiều lần gửi những thông tin xấu thì người quản lý có thể thực hiện chặn người dùng đó. Sau đó người dùng sẽ bị chặn trong hệ thống. |
| Dòng sự kiện phụ | Nếu người quản lý chặn hay phản hồi nội dung góp ý của người dùng hoàn tất. Khi đó usecase kết thúc. |
| Tiền điều kiện: | | Người quản lý phải đăng nhập vào hệ thống rồi mới thực hiện được chức năng quản lý góp ý. |
| Hậu điều kiện: | | Nếu use case thành công thì có thể quản lý góp ý theo ý muốn. Ngược lại trạng thái hệ thống không có gì thay đổi. |

*Bảng 3.8: Đặc tả usecase Quản lý góp ý*

### **3.3.9 Đặc tả use case Quản lý thống kê báo cáo**

| Tên use case: | | Quản lý thống kê |
| --- | --- | --- |
| Tác nhân: | | Quản lý |
| Tóm tắt: | | Usecase này cho phép thống kê doanh thu theo loại, thống kê mỗi loại bán được bao nhiêu sản phẩm, thống kê sản phẩm bán chạy. |
| Điều kiện tiên quyết: | | Đã đăng nhập là Quản lý. |
| Dòng sự kiện: | Dòng sự kiện chính | 1. Người quản lý chọn trên menu bao gồm thống kê doanh thu theo loại, thống kê mỗi loại bán được bao nhiêu sản phẩm, thống kê sản phẩm bán chạy.  2. Hệ thống sẽ cho phép người quản lý chọn khoản  thời gian mà muốn xem. Người quản lý chọn yêu cầu thống kê.  3. Hệ thống sẽ truy xuất các mặt hàng trong cơ sở dữ  liệu để hiển thị sản phẩm và tổng số sản phẩm bán được.  4. Sau khi thống kê xong thì dòng sự kiện này kết  thúc. |
| Dòng sự kiện phụ | Không có. |
| Tiền điều kiện: | | Người quản lý phải đăng nhập vào hệ thống rồi mới thực hiện được chức năng quản lý thống kê báo cáo. |
| Hậu điều kiện: | | Nếu use case thành công thì việc thống kê doanh thu được tìm kiếm và sắp xếp theo một trình tự nào đó theo yêu cầu của người quản lý trong hệ thống. Ngược lại trạng thái hệ thống không có gì thay đổi. |

*Bảng 3.9: Đặc tả usecase Quản lý thống kê báo cáo*

### **3.3.10 Đặc tả use case Quản lý phiếu nhập**

| Tên use case: | | Quản lý phiếu nhập |
| --- | --- | --- |
| Tác nhân: | | Quản lý |
| Tóm tắt: | | Use case này cho phép người quản trị quản lý các phiếu nhập và thực hiện các chức năng như: Thêm phiếu nhập, sửa phiếu nhập, xóa phiếu nhập. |
| Điều kiện tiên quyết: | | Đã đăng nhập là Quản lý. |
| Dòng sự kiện: | Dòng sự kiện chính | 1. Usecase bắt đầu khi người quản lý chọn xem hay thêm mới, sửa, xóa phiếu nhập ra khỏi hệ thống.  2. Hệ thống hiển thị thông tin phiếu nhập trong hệ thống và yêu cầu người quản lý chọn chức năng muốn thực hiện. Sau khi chọn chức năng, một trong các luồng phụ tương cấp sau được thực hiện.  2.1 Nếu người quản lý muốn thêm: luồng phụ thêm được thực hiện.  2.2 Nếu người quản lý muốn sửa: luồng phụ sửa được thực hiện.  2.3 Nếu người quản lý muốn xóa: luồng phụ xóa  được thực hiện.  **Luồng phụ thêm:** Hệ thống yêu cầu nhập đầy đủ các thông tin của phiếu nhập mới, sau đó chọn chức năng thêm.  \* Nếu thành công : thông tin sẽ được nhập vào hệ thống và thông báo ra màn hình.  \* Nếu thất bại : thông báo ra màn hình lý do thất bại và trở lại màn hình.  **Luồng phụ sửa:** Chọn phiếu nhập cần sửa và hệ thống hiển thị đầy đủ các thông tin cần thiết để tiến hành việc sửa, sau khi lựa chọn một số thay đổi thì sẽ chọn chức năng sửa để tiến hành thực hiện.  \* Nếu thành công : hệ thống sẽ lưu và thông báo ra màn hình.  \* Nếu thất bại : thông báo ra màn hình lý do thất bại và trở lại màn hình.  **Luồng phụ xóa :** Chọn phiếu nhập cần xóa, hệ thống thông báo cho người dùng xác nhận :  \* Nếu chọn “ yes ” : xóa khỏi cơ sở dữ liệu.  \* Nếu chọn “ no “ : trở lại màn hình. |
| Dòng sự kiện phụ | Không có |
| Tiền điều kiện: | | Người quản lý phải đăng nhập vào hệ thống rồi mới thực hiện được chức năng quản lý phiếu nhập. |
| Hậu điều kiện: | | Nếu use case thành công thì có thể quản lý phiếu nhập theo ý muốn. Ngược lại trạng thái hệ thống không có gì thay đổi. |

*Bảng 3.10: Đặc tả usecase Quản lý phiếu nhập*

### **3.3.11 Đặc tả use case Quản lý hóa đơn**

| Tên use case: | | Quản lý hóa đơn |
| --- | --- | --- |
| Tác nhân: | | Quản lý |
| Tóm tắt: | | Use case này cho phép người quản trị quản lý các hóa đơn và thực hiện các chức năng như: Xem thông tin chi tiết hóa đơn, in hóa đơn, lưu hóa đơn. |
| Điều kiện tiên quyết: | | Đã đăng nhập là Quản lý. |
| Dòng sự kiện: | Dòng sự kiện chính | 1. Người quản lý chọn vào xem hóa đơn  2. Hệ thống hiển thị danh sách các hóa đơn trong hệ  thống.  3. Chọn in hóa đơn (nếu muốn) |
| Dòng sự kiện phụ | Không có |
| Tiền điều kiện: | | Người quản lý phải đăng nhập vào hệ thống rồi mới thực hiện được chức năng quản lý hóa đơn. |
| Hậu điều kiện: | | Nếu use case thành công thì có thể quản lý hóa đơn theo ý muốn. Ngược lại trạng thái hệ thống không có gì thay đổi. |

*Bảng 3.11: Đặc tả usecase Quản lý hóa đơn*

### **3.3.12 Đặc tả use case Quản lý thông tin cá nhân**

| Tên use case: | | Quản lý thông tin cá nhân |
| --- | --- | --- |
| Tác nhân: | | Thành viên |
| Tóm tắt: | | Use case này cho người dùng quản lý thông tin trong cơ sở dữ liệu của hệ thống. Bao gồm các thao tác: xem, thay đổi thông tin tài khoản, khóa tài khoản, và thay đổi mật khẩu. |
| Điều kiện tiên quyết: | | Đã đăng nhập và hệ thống. |
| Dòng sự kiện: | Dòng sự kiện chính | 1. Usecase bắt đầu khi người dùng bắt đầu thay đổi  thông tin tài khoản, khóa tài khoản, và thay đổi mật khẩu trong khỏi hệ thống.  2. Hệ thống hiển thị thông tin tài khoản người dùng trong hệ thống.  3. Hệ thống yêu cầu người dùng chọn chức năng  muốn thực hiện. Sau khi chọn chức năng, một trong các luồng phụ tương ứng sau được thực hiện.  3.1 Nếu người dùng muốn thay đổi thông tin tài khoản: luồng phụ sửa được thực hiện.  3.2 Nếu người dùng muốn khóa tài khoản: luồng phụ  Khóa tài khoản được thực hiện.  3.3 Nếu người dùng muốn thay đổi mật khẩu: luồng  phụ đổi mật khẩu được thực hiện.  **Luồng phụ sửa**: Hệ thống hiển thị trang thông tin  chi tiết của người dùng. Sau đó người dùng thực hiện  chức năng sửa và hệ thống sẽ cập nhật lại thông tin  cá nhân của người dùng.  **Luồng phụ khóa tài khoản:** Người dùng chọn xóa tài khoản ra khỏi hệ thống. Sau đó thực hiện chức năng xóa, hệ thống sẽ hiện thông báo xác nhận xóa tới người dùng. Cuối cùng tài khoản sẽ được khoá.  **Luồng phụ thay đổi mật khẩu:** Hệ thống sẽ hiển  thị form cho phép người dùng thay đổi mật khẩu.  Người dùng nhập lại mật khẩu cũ và nhập mật khẩu  mới. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ của thông tin đưa  vào và lưu thông tin vào hệ thống. |
| Dòng sự kiện phụ | Nếu người dùng điền chưa đầy đủ hoặc sai thông tin theo quy định thì hệ thống sẽ hiện thông báo lỗi, và khi đó người dùng có thể sửa đổi thông tin hoặc hủy bỏ thao tác đang thực hiện. Khi đó use case kết thúc. |
| Tiền điều kiện: | | Người dùng phải đăng nhập vào hệ thống rồi mới thực hiện được chức năng quản lý thông tin cá nhân. |
| Hậu điều kiện: | | Nếu use case thành công thì có thể quản lý thông tin cá nhân theo nhu cầu cần thiết. Ngược lại trạng thái hệ thống không có gì thay đổi. |

*Bảng 3.12: Đặc tả usecase Quản lý thông tin cá nhân*

### **3.3.13 Đặc tả use case Đăng ký tài khoản**

| Tên use case: | | Đăng ký tài khoản |
| --- | --- | --- |
| Tác nhân: | | Khách |
| Tóm tắt: | | Use case này mô tả khách hàng dùng chức năng đăng ký của website để trở thành thành viên. |
| Điều kiện tiên quyết: | | Người dùng truy cập vào trang web |
| Dòng sự kiện: | Dòng sự kiện chính | + Use case này bắt đầu khi khách hàng muốn đăng ký thành viên trên hệ thống website.  + Hệ thống yêu cầu người dùng chọn phương thức muốn liên kết để đăng nhập (qua Facebook, qua Gmail, qua Google) hoặc phương thức khác.  + Hệ thống yêu cầu người dùng điền thông tin cá nhân và mã xác nhận.  + Hệ thống sẽ kiểm tra tên đăng nhập và email mà người dùng vừa nhập đã tồn tại chưa, nếu chưa đăng ký thành công, ngược lại hiển thị thông báo. |
| Dòng sự kiện phụ | + Nếu trong dòng sự kiện chính người dùng nhập sai  mật khẩu và xác nhận mật khẩu, nhập thông tin không hợp lệ hay sai mã kiểm tra thì hệ thống sẽ thông báo lỗi, người dùng phải thực hiện lại hoặc hủy bỏ.  + Việc đăng ký lúc này sẽ kết thúc. |
| Tiền điều kiện: | | Người dùng phải chọn chức năng đăng ký tài khoản thì use case mới bắt đầu. |
| Hậu điều kiện: | | Nếu usecase thực hiện thành công quá trình đăng ký thì sẽ có thông báo đăng ký thành viên thành công. Ngược lại quá trình không được cập nhật vào cơ sở dữ liệu của hệ thống. |

*Bảng 3.13: Đặc tả usecase Đăng ký tài khoản*

### **3.3.14 Đặc tả use case Đăng xuất**

| Tên use case: | | Đăng xuất |
| --- | --- | --- |
| Tác nhân: | | Thành viên, Quản lý |
| Tóm tắt: | | Use case mô tả người dùng thực hiện chức năng đăng xuất của website để thoát quyền của thành viên/ quản lý. |
| Điều kiện tiên quyết: | | Đã đăng nhập vào hệ thống. |
| Dòng sự kiện: | Dòng sự kiện chính | + Use case này bắt đầu khi người dùng muốn đăng xuất khỏi hệ thống.  + Hệ thống hiện thông báo hỏi người dùng có chắc chắn muốn thoát khỏi hệ thống không. Nếu có thì  chọn Yes, ngược lại nếu không thì chọn No. |
| Dòng sự kiện phụ | Không có. |
| Tiền điều kiện: | | Người dùng phải chọn chức năng đăng xuất trên website và use case bắt đầu. |
| Hậu điều kiện: | | Nếu use case thực hiện thành công quá trình đăng xuất thì sẽ thoát khỏi tài khoản. Ngược lại trạng thái hoạt động của hệ thống không đổi. |

*Bảng 3.14: Đặc tả usecase Đăng xuất*